TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1097/2023/DS-ST
Ngày: 20 - 6 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phủ

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương, cán bộ tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2109/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A; địa chỉ: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp là ông C, đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/4/2023) (Có đơn đề nghị vắng mặt);

Bị đơn là ông B; địa chỉ: đường M, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 18 tháng 6 năm 2008, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Bị đơn đã được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 88.054.975 đồng, tính đến ngày 25 tháng 01 năm 2011 bị đơn đã thanh toán 76.079.438 đồng. Từ ngày 26 tháng 01 năm 2011 đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Hiện còn nợ nguyên đơn (tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2023) số tiền nợ gốc: 34.403.310 đồng, lãi quá hạn là 152.097.121 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 21 tháng 6 năm 2023 cho đến khi trả hết số nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn là ông B đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt thông báo thụ lý vụ án, nhưng cho đến nay vẫn không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu kèm theo. Tòa án cũng đã thực hiện thủ tục tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, nhưng bị đơn cũng không đến Tòa án để tham gia vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý, giải quyết là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Phía bị đơn chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Do hợp đồng tín dụng được ký kết và được cấp thẻ tín dụng vào ngày 07 tháng 7 năm 2008 nhưng nguyên đơn đã tính lãi chậm trả trên nợ lãi là không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 và Bộ luật Dân sự năm 2005, nên không có cơ sở chấp nhận phần nợ gốc và nợ lãi vượt quá phạm vi quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh còn thiếu theo quy định; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vượt quá phạm vi số tiền nợ gốc và lãi phát sinh; Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Đối với số tiền nợ gốc: Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A thể hiện bị đơn đã ký kết và được cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Căn cứ tóm tắt sao kê do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 88.054.975 đồng, phí trễ hạn là 2.263.125 đồng, phí vượt hạn mức là 720.586 đồng, phí là 3.753.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 15.691.062 đồng, bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 76.079.438 đồng, nên số tiền gốc còn lại là 34.403.310 đồng. Từ tháng 3 năm 2011 đến nay, bị đơn liên tục không toán dư nợ thẻ tín dụng nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa các bên, vì vậy nguyên đơn có đơn khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc như đã nêu trên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được chấp nhận.

[3.2] Đối với tiền lãi quá hạn: Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn bắt đầu sử dụng thẻ từ tháng 8 năm 2008. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên từ ngày 19 tháng 3 năm 2011 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tại bảng diễn giải sao kê nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện:

- Từ ngày 25 tháng 3 năm 2011 đến 25 tháng 12 năm 2016, lãi suất quá hạn là 2.9625%/tháng và tiền lãi quá hạn là 71.649.057 đồng;

- Từ ngày 25 tháng 01 năm 2017 đến ngày 20 tháng 6 năm 2023, lãi suất quá hạn là 2.9625%/tháng và tiền lãi quá hạn là 80.448.064 đồng

Tổng cộng tiền lãi quá hạn là 152.097.121 đồng

Nhận thấy nguyên đơn áp dụng lãi quá hạn trong khoản thời gian nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ HĐTP

ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận và cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi quá hạn là 152.097.121 đồng; Bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về thời gian trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn, tiền lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, nghĩ nên chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 186.500.431 đồng x 5% = 9.325.021 đồng;

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.344.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0018638 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A, buộc ông B phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2023 là: 186.500.431 (Một trăm tám mươi sáu triệu năm trăm ngàn bốn trăm ba mươi mốt ngàn) đồng, bao gồm: nợ gốc là 34.403.310 đồng, lãi quá hạn là 152.097.121 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2008 và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Kể từ ngày 21 tháng 6 năm 2023, ông B còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2008 và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần A tương ứng với số tiền nợ gốc cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B phải chịu án phí là 9.325.021 (Chín triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn không trăm hai mươi mốt) đồng;

Ngân hàng Thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.344.000 (Bốn triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0018638 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. *Quyền kháng cáo*: Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông B vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Linh Phượng